





3	8A3	22	22	22	22	22	22	22	22	22	22	220
4	8A4	21	20	21	20	21	20	21	20	21	20	205
5	8A5	18	18	18	18	18	18	18	18	18	18	180
6	8A6	17	16	17	16	17	16	17	16	17	16	165
7	9A1	22	22	22	22	22	22	22	22	22	22	220
8	9A2	22	22	22	22	22	22	22	22	22	22	220
9	9A3	20	19	20	19	20	19	20	19	20	19	195
10	9A4	18	18	18	18	18	18	18	18	18	18	180
11	9A5	19	18	19	18	19	18	19	18	19	18	185
12	9A6	21	21	21	21	21	21	21	21	21	21	210
<b>Tổng</b>	<b>12</b>	<b>238</b>	<b>233</b>	<b>238</b>	<b>238</b>	<b>238</b>	<b>233</b>	<b>238</b>	<b>233</b>	<b>238</b>	<b>233</b>	<b>2355</b>

**2. Các môn tổ chức học thêm trong nhà trường:** Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh, Vật lý, Hóa học.

**3. Thời lượng và Thời gian thực hiện:**

- **Đối với khối 8:** Triển khai dạy thêm trong nhà trường đối với 5 môn Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh, Vật lý, Hóa học trong 35 tuần từ ngày 06/9/2021. Thời lượng: 02 tiết/ tuần/ môn.

- **Đối với khối 9:**

+ **Giai đoạn 1:** Thực hiện đối với 5 môn Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh, Vật lý, Hóa học từ ngày 06/9/2021 đến khi Sở GD&ĐT công bố môn thi thứ 4. Thời lượng: 02 tiết/ tuần/ môn.

+ **Giai đoạn 2:** Thực hiện đối với 4 môn Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh, Môn thứ 4 khi Sở GD&ĐT công bố môn thi thứ 4. (theo Kế hoạch ôn thi vào lớp 10 THPT)

**4. Phương thức triển khai:**

- Phương thức trực tuyến: Không thực hiện.
- Phương thức trực tiếp: Triển khai kế hoạch khi học sinh trở lại trường.

**5. Chương trình:**

- Tổ nhóm chuyên môn xây dựng chương trình theo khối lớp, môn học.
- BGH duyệt chương trình, GV dạy theo chương trình đã được BGH duyệt.
- Lưu hồ sơ tại trường.



### **III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN:**

#### **1. Các bước tiến hành:**

- Triển khai các văn bản chỉ đạo tổ chức dạy thêm, học thêm của Bộ GD&ĐT, UBND thành phố Hà Nội, Sở GD&ĐT Hà Nội, Phòng GD&ĐT quận Long Biên tới 100% giáo viên, học sinh và cha mẹ học sinh.

- Nhận đơn đăng kí tham gia học thêm của học sinh và cha mẹ học sinh.

- Nhận đơn đăng kí dạy thêm và bản cam kết của giáo viên.

- Xây dựng kế hoạch dạy thêm, học thêm trong nhà trường, xây dựng chương trình, xếp thời khóa biểu...

#### **2. Phân công nhiệm vụ:**

##### **a. Ban giám hiệu**

- Thành lập Ban chỉ đạo công tác dạy thêm, học thêm trong nhà trường.

- Tổ chức triển khai công tác dạy thêm, học thêm, nhận đơn và bản cam kết của giáo viên.

- Xây dựng kế hoạch DTHT, phân công giáo viên, xếp thời khóa biểu.

- Thiết lập các loại hồ sơ: Sổ đầu bài, lịch báo giảng, phân phối chương trình, giáo án, sổ chấm công BGH trực, GV dạy.

- Chỉ đạo tổ nhóm chuyên môn, giáo viên chủ nhiệm và các lực lượng khác phục vụ tốt công tác dạy thêm, học thêm.

- Tiến hành kiểm tra nội bộ về công tác DTHT.

- Quản lý, chỉ đạo công tác thu chi DTHT.

##### **b. Tổ, nhóm chuyên môn**

- Thực hiện công tác kiểm tra nội bộ.

- Xây dựng chương trình các môn DTHT.

- Quản lý các thành viên của tổ thực hiện tốt các quy định, kế hoạch DTHT.

##### **c. Giáo viên chủ nhiệm**

- Nhận đơn đăng kí học thêm của học sinh, lập danh sách nhóm học sinh phân theo năng lực.

- Đôn đốc học sinh nộp học phí hàng tháng theo lịch về tài vụ.

- Phối hợp cùng CMHS, GVBM quản lý học sinh học thêm.

##### **d. Giáo viên bộ môn**

- Thực hiện nghiêm túc quy định về DTHT.

- Thực hiện nghiêm túc quy chế chuyên môn về DTHT.

- Phối hợp cùng GVCN quản lý HS.



**e. Các lực lượng hỗ trợ dạy học:**

**\* Đối với giáo viên chủ nhiệm lớp**

- GVCN phối hợp chặt chẽ với giáo viên bộ môn nắm bắt tình hình học tập của học sinh, thường xuyên thông báo kết quả học tập với phụ huynh.
- Tăng cường kiểm tra việc tự học của học sinh.

**\* Đối với phụ huynh học sinh**

- Viết đơn đăng kí học thêm cho con em trên tinh thần tự nguyện.
- Quản lý thời gian học thêm của con.

**\* Đối với học sinh**

- Đi học đầy đủ, chấp hành tốt các quy định về dạy thêm, học thêm.
- Chuẩn bị đầy đủ sách, vở và đồ dùng học tập theo yêu cầu của giáo viên.
- Nghỉ học phải có giấy xin phép của phụ huynh.

**3. Mức thu - chi:** Thu chi theo đúng văn bản hướng dẫn:

- Mức thu: 13.000đ/tiết/môn/HS (Nhóm từ 10 - dưới 20 HS/lớp).  
9.000 đ/tiết/môn/HS (Nhóm từ 20 - dưới 30 HS/lớp).

- Mức chi:

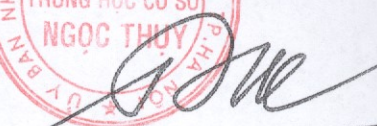
- + 70% chi trả giáo viên giảng dạy.
- + 15% chi công tác quản lý dạy thêm học thêm của nhà trường.
- + 15% hỗ trợ chi tiền điện nước vệ sinh và sửa chữa cơ sở vật chất, chi phục vụ dạy thêm học thêm.

Trên đây là kế hoạch tổ chức dạy thêm, học thêm năm học 2021 – 2022 của trường THCS Ngọc Thụy. BGH yêu cầu các tổ nhóm chuyên môn và giáo viên nghiêm túc thực hiện./.

**Nơi nhận:**

- Phòng GDĐT: để báo cáo;
- BGH: để triển khai;
- GVCN, GVBM: để thực hiện;
- Lưu: VP.

KT. HIỆU TRƯỞNG  
PHÓ HIỆU TRƯỞNG  
TRUNG HỌC CƠ SỞ  
NGỌC THUY



**Đặng Sỹ Đức**





UBND QUẬN LONG BIÊN  
TRƯỜNG THCS NGỌC THỤY

**PHÂN CÔNG CHUYÊN MÔN GIÁO VIÊN DẠY THÊM, HỌC THÊM**  
**Năm học 2021 - 2022**

TT	Họ và tên	Năm sinh	Chuyên môn ĐT	Môn - Số tiết
1	Lê Triệu Oanh	1979	ĐH Văn	Văn 8A6 (2t), 9A1 (2t) = 4t
2	Ngô Thị Hồng	1979	ĐH Văn	Văn 8A2 (2t), 9A2 (2t) = 4t
3	Phan Văn Huân	1981	ĐH Văn	Văn 9A3 (2t) = 2t
4	Nguyễn Thu Thủy	1988	ĐH Văn – Địa	Văn 8A1 (2t), 9A4 (2t) = 4t
5	Đặng Thị Mai Trang	1980	ĐH Văn – GDCD	Văn 9A5 (2t) = 2t
6	Nguyễn Thị Thanh Hà	1976	ĐH Văn	Văn 8A4 (2t), 9A6 (2t) = 4t
7	Thiều Ngọc Trâm	1996	CĐ Văn	Văn 8A3 (2t) = 2t
8	Nguyễn Thị Thanh Xuân	1978	ĐH Văn	Văn 8A5 (2t) = 2t
9	Nguyễn Thị Lan Hương	1971	ĐH Toán	Toán 8A4 (2t), 9A1 (2t) = 4t
10	Lê Thị Lan Hương	1969	CĐ Toán	Toán 8A3 (2t), 9A2 (2t) = 4t
11	Lưu Thị Thanh Bình	1975	ĐH Toán – Tin	Toán 8A6 (2t), 9A3 (2t) = 4t



12	Vũ Thị Lựu	1968	ĐH Toán	Toán 8A1 (2t), 9A4 (2t) = 4t
13	Nguyễn Thị Thanh Hải	1963	ĐH Toán – SPKT	Toán 9A5 (2t) = 2t
14	Đào Lệ Hà	1971	CĐ Toán	Toán 9A6 (2t) = 2t
15	Hoàng Thị Thu	1991	ĐH Toán	Toán 8A2 (2t) = 2t
16	Nguyễn Thị Vân Anh	1994	ĐH Toán	Toán 8A5 (2t) = 2t
17	Nguyễn T. Thanh Huyền	1992	ĐH Tiếng Anh	Anh 9A1 (2t), 9A6 (2t), 8A3 (2t) = 6t
18	Nguyễn Thị Hiếu	1992	ĐH Tiếng Anh	Anh 9A2 (2t), 9A3 (2t), 9A5 (2t), 8A1 (2t) = 8t
19	Khổng Ngọc Linh	1991	Th.S Tiếng Anh	Anh 9A4 (2t), 8A2 (2t), 8A4 (2t), 8A5 (2t) = 8t
20	Lưu Thị Thanh Minh	1988	ĐH Tiếng Anh	Anh 8A6 (2t) = 2t
21	Đỗ Hữu Tuân	1981	Th.S Hóa học	Hóa 9A1 (2t), 8A3 (2t), 8A6 (2t), 9A5 (2t), 9A6 (2t) = 10t
22	Trần Thị Nguyên	1973	ĐH Hóa học	Hóa 9A2 (2t), 9A3 (2t), 8A1 (2t), 8A2 (2t) = 8t
23	Hoàng Hải Nguyên	1994	ĐH Hóa học	Hóa 9A4 (2t), 8A4 (2t), 8A5 (2t) = 6t
24	Nguyễn T. Phương Huệ	1989	Th.S Vật lý	Lý 9A1 (2t), 9A6 (2t), 8A2 (2t), 8A4 (2t) = 8t
25	Nguyễn Thị Thùy Linh	1989	Th.S Vật lý	Lý 9A2 (2t), 9A4 (2t), 8A1 (2t), 8A5 (2t) = 8t
26	Phan Thị Thanh Vân	1964	ĐH Vật lý	Lý 9A3 (2t), 9A5 (2t), 8A3 (2t), 8A6 (2t) = 8t